

26. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn

Triệu đồng; %

	Thực hiện năm 2017	Ước tính năm 2018	Năm 2018 so với dự toán năm	Năm 2018 so với năm 2017
Tổng thu	5,617,103	7,658,000	109.00	136.33
Tổng các khoản thu cân đối NSNN	5,570,112	7,638,000	110.00	137.12
Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	4,992,553	6,980,000	110.00	139.81
Thu từ doanh nghiệp Nhà nước do TW và địa phương quản lý	890,216	865,800	100.10	97.26
Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	218,734	285,000	110.00	130.30
Thu từ khu vực công thương nghiệp-ngoài quốc doanh	1,170,719	1,200,000	94.00	102.50
Lệ phí trước bạ	244,741	307,000	110.00	125.44
Thuế sử dụng đất nông nghiệp	160	300		187.50
Thuế SD đất phi nông nghiệp	3,589	3,400	113.00	94.73
Thuế thu nhập cá nhân	370,153	435,000	108.00	117.52
Thuế bảo vệ môi trường	106,457	132,000	102.00	123.99
Thu phí và lệ phí	95,888	100,000	89.00	104.29
Tiền sử dụng đất	1,039,169	2,094,200	124.00	201.53
Thu tiền cho thuê đất	232,108	770,000	133.00	331.74
Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	22,620	28,700	110.00	126.88
Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	8,468	10,600	104.00	125.18
Thu xổ số kiến thiết	431,749	438,000	100.00	101.45
Thu khác	157,782	175,800	109.00	111.42
Thu CT, LNST, tiền bán bớt phần vốn NN	0	134,200	102.00	
Thu từ Hải quan	577,559	658,000	109.00	113.93
Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN	46,991	20,000	65.00	42.56